



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

## HỆ THỐNG NGĂN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

# Cam kết chung về Dịch vụ

## CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ



# MỤC LỤC

- 1** Hệ thống cam kết về dịch vụ trong WTO bao gồm những gì? 03
- 2** Theo Hiệp định GATS, Việt Nam có nghĩa vụ gì liên quan đến dịch vụ? 05
- 3** Theo Biểu cam kết dịch vụ, Việt Nam sẽ mở cửa những dịch vụ nào khi gia nhập WTO? 07
- 4** So sánh Cam kết dịch vụ trong WTO và trong Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ 10
- 5** Việt Nam cam kết cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được hoạt động cung cấp dịch vụ tại Việt Nam dưới hình thức nào? 13
- 6** Việt Nam cam kết cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài kể từ 11/1/2007 trong những ngành dịch vụ nào? 14
- 7** Việt Nam cam kết cho phép lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam theo lộ trình trong những ngành dịch vụ nào? 15
- 8** Việt Nam cam kết cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam trong những ngành dịch vụ nào? 16
- 9** Các trường hợp doanh nghiệp dịch vụ FDI đã được cấp phép thành lập và hoạt động ở Việt Nam trước ngày 11/1/2007 sẽ xử lý như thế nào? 17
- 10** Cam kết dịch vụ trong WTO có liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam không? 21
- 11** Cam kết dịch vụ có liên quan tới đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam không? 22
- 12** Việt Nam có cam kết cho phép cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tại Việt Nam hay không? 24
- 13** Cam kết dịch vụ trong WTO của Việt Nam có tương đương với hiện trạng chính sách, pháp luật của Việt Nam không? 25
- 14** Doanh nghiệp có thể tìm Cam kết WTO về dịch vụ của Việt Nam trong WTO ở đâu? 26



# 1

## Hệ thống cam kết về dịch vụ trong WTO bao gồm những gì?

Thương mại dịch vụ là một bộ phận quan trọng trong WTO. Các quyền và nghĩa vụ của mỗi thành viên trong WTO về thương mại dịch vụ được quy định :

### ■ Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS):

Tập hợp những nguyên tắc cơ bản trong thương mại dịch vụ (ví dụ đối xử tối huệ quốc, minh bạch hoá...) mà tất cả các nước thành viên đều phải tuân thủ;

### ■ Biểu cam kết dịch vụ của từng nước thành viên:

Tập hợp các cam kết riêng trong lĩnh vực dịch vụ của nước thành viên đó



### HỘP 1 - CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM TRONG WTO ĐƯỢC QUY ĐỊNH Ở ĐÂU?

Cam kết gia nhập WTO của Việt Nam về dịch vụ được nêu tại 03 nhóm quy định sau đây:

- (i) **Biểu cam kết dịch vụ** của Việt Nam (cam kết cụ thể trong từng ngành dịch vụ có cam kết);
- (ii) Cam kết về minh bạch hoá và không phân biệt đối xử trong **Phần về dịch vụ trong Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO** (cam kết nền về dịch vụ);
- (iii) **Hiệp định GATS** (về các vấn đề chung).

Về thứ tự áp dụng, ưu tiên áp dụng quy định nhóm (i), nếu nhóm (i) không quy định thì mới áp dụng nhóm (ii), nếu cả nhóm (i) và (ii) không quy định thì áp dụng quy định của nhóm (iii).

Từ các văn bản này (đặc biệt là Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam), doanh nghiệp sẽ có thông tin về các điều kiện cạnh tranh và mở cửa thị trường dịch vụ mà mình quan tâm để từ đó có điều chỉnh thích hợp đối với kế hoạch kinh doanh.

**2**

## **Theo Hiệp định GATS, Việt Nam có nghĩa vụ gì liên quan đến dịch vụ?**

Hiệp định GATS quy định những nghĩa vụ chung về dịch vụ mà tất cả các nước thành viên WTO đều phải tuân thủ. Là thành viên WTO, Việt Nam cũng có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ này, bao gồm:

- **Nghĩa vụ về Đối xử tối huệ quốc (MFN):** Việt Nam phải đối xử bình đẳng (về chính sách, pháp luật, thủ tục...) giữa các nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước khác nhau (nếu các nước này đều là thành viên WTO).
- **Nghĩa vụ Minh bạch hóa:** Việt Nam phải công bố tất cả các quy định, yêu cầu, thủ tục có ảnh hưởng tới thương mại dịch vụ cho các nước Thành viên WTO; công khai các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định...) để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan trong ít nhất 60 ngày.



### HỘP 2 – VÍ DỤ VỀ NGHĨA VỤ MFN TRONG GATS

- Nếu Việt Nam cho phép một doanh nghiệp từ nước A (thành viên WTO) lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam để cung cấp dịch vụ quảng cáo thì theo nguyên tắc MFN Việt Nam cũng phải cho phép các doanh nghiệp của các nước thành viên WTO khác lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài trong lĩnh vực quảng cáo.
- Việt Nam phải áp dụng các điều kiện cấp phép, điều kiện hoạt động tương tự nhau đối với các nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên WTO khác nhau.



3

## Theo Biểu cam kết dịch vụ, Việt Nam sẽ mở cửa những dịch vụ nào khi gia nhập WTO?

Trong Biểu cam kết dịch vụ của mình, Việt Nam đã đưa ra cam kết mở cửa (***phải cho phép nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thị trường Việt Nam tối thiểu ở mức như đã cam kết***) đối với 11 ngành dịch vụ (bao gồm khoảng 110 phân ngành dịch vụ):

- (i) Dịch vụ kinh doanh;
- (ii) Dịch vụ thông tin;
- (iii) Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan;
- (iv) Dịch vụ phân phối;
- (v) Dịch vụ giáo dục;
- (vi) Dịch vụ môi trường;
- (vii) Dịch vụ tài chính;
- (viii) Dịch vụ y tế và xã hội;
- (ix) Dịch vụ du lịch;
- (x) Dịch vụ văn hóa, giải trí và thể thao;
- (xi) Dịch vụ vận tải.



So sánh với phân loại các ngành dịch vụ của WTO, ngành dịch vụ duy nhất mà Việt Nam không cam kết là “các dịch vụ khác”.

**Chú ý:** Bảng phân loại các ngành và phân ngành dịch vụ của WTO chỉ nêu tên các ngành/phân ngành dịch vụ mà không nêu rõ các hoạt động, dịch vụ cụ thể trong từng ngành/phân ngành đó. Do đó, giống như hầu hết các Thành viên WTO khác, cam kết của Việt Nam có dẫn chiếu đến mã CPC (**Central Product Classification**) để làm cơ sở tham khảo.





### HỘP 3 - MÃ CPC LÀ GÌ?

CPC là **hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm** của Liên Hợp Quốc, mỗi **ngành/phân ngành dịch vụ trong WTO tương ứng với một mã CPC** nhất định.

Mỗi mã CPC về một ngành/phân ngành dịch vụ lại được chia thành các mã CPC chi tiết hơn, với định nghĩa khá đầy đủ về dịch vụ.

Ví dụ, dịch vụ y tế và nha khoa có mã CPC 9312 và được định nghĩa trong CPC bao gồm các dịch vụ sau: “các dịch vụ chủ yếu nhằm ngăn ngừa, chuẩn đoán và điều trị bệnh thông qua tư vấn với cá nhân bác sỹ mà không phải trải qua chăm sóc chính thức tại bệnh viện, trừ dịch vụ chăm sóc tại ngoại (một phần trong ngày), bao gồm các phân ngành Dịch vụ y tế chung, Dịch vụ y tế chuyên khoa và Dịch vụ nha khoa».

Chi tiết về mã CPC có thể tham khảo tại <http://unstats.un.org>

**Lưu ý:** Định nghĩa dịch vụ trong CPC chỉ mang tính chất tham khảo, nếu doanh nghiệp muốn tìm hiểu định nghĩa chính xác theo các văn bản pháp luật của Việt Nam (ví dụ để xác định đối tượng điều chỉnh) thì cần phải xem quy định tại các văn bản cụ thể này.



## So sánh Cam kết dịch vụ trong WTO và trong HĐ Thương mại Việt - Mỹ?

So với cam kết về dịch vụ trong Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA) năm 2002, **cam kết về dịch vụ trong WTO của Việt Nam rộng hơn về diện và sâu hơn về mức độ.**



### Cụ thể:

- **Về diện cam kết:** Cam kết trong WTO rộng hơn BTA (về số ngành dịch vụ).

Trong BTA, Việt Nam đã cam kết 8 ngành dịch vụ, gồm 65 phân ngành; trong WTO, Việt Nam cam kết 11 ngành, tính theo phân ngành là khoảng 110 trên tổng số 155 phân ngành theo phân loại của WTO.

- **Về mức độ mở cửa:** Cam kết trong WTO đi xa hơn BTA nhưng không nhiều.

Với hầu hết các ngành dịch vụ, trong đó có những ngành nhạy cảm như **bảo hiểm, phân phối, du lịch** v.v., cam kết trong WTO đều gần như BTA.

Riêng với **viễn thông, ngân hàng và chứng khoán**, cam kết trong WTO có mức mở cửa rộng hơn BTA. Tuy nhiên, các cam kết này nhìn chung không quá xa so với hiện trạng và đều phù hợp với định hướng phát triển đã được phê duyệt cho các ngành này.



### HỘP 4 – SO SÁNH CAM KẾT DỊCH VỤ TRONG BTA VÀ WTO CÓ Ý NGHĨA GÌ?

Trước cam kết trong WTO về dịch vụ, Việt Nam đã có một số cam kết khác về mở cửa thị trường dịch vụ với một số nước, trong đó quan trọng nhất là cam kết dịch vụ trong Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA) ký năm 2002.

Phần lớn các cam kết về dịch vụ trong BTA đã được thực hiện trên thực tế và đã có những tác động nhất định đến thị trường dịch vụ Việt Nam.

Vì vậy, so sánh về mức độ cam kết về dịch vụ giữa BTA và cam kết về dịch vụ trong khuôn khổ WTO của Việt Nam sẽ là **căn cứ khá tin cậy để đánh giá những khả năng biến động trong thị trường dịch vụ Việt Nam trong thời gian thực thi cam kết WTO.**



5

## Việt Nam cam kết cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được hoạt động cung cấp dịch vụ tại Việt Nam dưới hình thức nào?

Việt Nam cam kết cho phép nhà đầu tư nước ngoài được tham gia cung cấp dịch vụ tại Việt Nam dưới các hình thức:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Việt Nam;
- Doanh nghiệp liên doanh với đối tác Việt Nam;
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Tuy nhiên, đây chỉ là cam kết nền (cam kết chung). Hình thức pháp lý được phép cũng như lộ trình thực hiện (thời điểm cho phép) trong từng ngành, phân ngành dịch vụ sẽ căn cứ vào cam kết trong từng ngành, phân ngành cụ thể (Biểu cam kết).

**Về chi nhánh:** Việt Nam **chưa cam kết** cho phép các doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài được lập chi nhánh tại Việt Nam, trừ trong một số dịch vụ cụ thể.

**Về văn phòng đại diện:** Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nước ngoài **được lập** văn phòng đại diện tại Việt Nam với điều kiện các văn phòng đại diện này không được phép tham gia các hoạt động sinh lời trực tiếp.



## **Việt Nam cam kết cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài kể từ 11/1/2007 trong những ngành dịch vụ nào?**

Việt Nam phải cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài (thành viên WTO) **thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài** tại Việt Nam ngay từ khi gia nhập (11/1/2007) trong những ngành/phân ngành dịch vụ sau đây:

- **Nhóm các Dịch vụ chuyên môn** (bao gồm dịch vụ pháp lý; dịch vụ kế toán kiểm toán, dịch vụ thuế; dịch vụ kiến trúc, tư vấn kỹ thuật, tư vấn kỹ thuật đồng bộ; dịch vụ máy tính, dịch vụ nghiên cứu và phát triển, dịch vụ tư vấn quản lý);
- **Dịch vụ xây dựng;**
- **Dịch vụ bảo hiểm;**
- **Dịch vụ ngân hàng (từ 1/4/2007);**
- **Dịch vụ y tế** (chỉ giới hạn ở các dịch vụ bệnh viện, dịch vụ nha khoa và khám bệnh);
- **Dịch vụ du lịch** (chỉ giới hạn ở các dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch).



## 7

# Việt Nam cam kết cho phép lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam theo lộ trình trong những ngành dịch vụ nào?

Việt Nam cam kết cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài (thành viên WTO) **thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài** tại Việt Nam sau **một thời gian nhất định** kể từ ngày gia nhập WTO (gọi là lộ trình) trong những ngành/phân ngành sau đây:

- **Nhóm các Dịch vụ chuyên môn** (bao gồm dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ nghiên cứu thị trường, dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ, dịch vụ liên quan đến sản xuất, dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị);
- **Dịch vụ chuyển phát;**
- **Dịch vụ phân phối** (dịch vụ bán buôn, dịch vụ bán lẻ, dịch vụ đại lý hoa hồng, dịch vụ nhượng quyền thương mại);
- **Dịch vụ môi trường** (dịch vụ xử lý nước thải, dịch vụ xử lý rác thải, dịch vụ làm sạch khí thải và dịch vụ xử lý tiếng ồn, dịch vụ đánh giá tác động môi trường);
- **Dịch vụ chứng khoán;**
- **Một số dịch vụ vận tải** (vận tải biển quốc tế, dịch vụ kho bãi container, dịch vụ đặt giữ chỗ trong vận tải hàng không, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa máy bay).



## Việt Nam cam kết cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam trong những ngành dịch vụ nào?

Về nguyên tắc, Việt Nam **không cam kết cho phép** tổ chức, cá nhân nước ngoài được lập chi nhánh tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ **trừ các ngành sau**:

- Dịch vụ pháp lý;
- Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan;
- Dịch vụ tư vấn quản lý;
- Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý;
- Dịch vụ xây dựng;
- Dịch vụ nhượng quyền thương mại;
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ;
- Dịch vụ ngân hàng;
- Một số dịch vụ chứng khoán (dịch vụ quản lý tài sản, thanh toán và thanh toán bù trừ...)





## Các trường hợp doanh nghiệp dịch vụ FDI đã được cấp phép thành lập và hoạt động ở Việt Nam trước ngày 11/1/2007 sẽ xử lý như thế nào?

Việt Nam cam kết đảm bảo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước khi Việt Nam gia nhập WTO (11/1/2007) sẽ **tiếp tục được hưởng các điều kiện, ưu đãi như quy định trong giấy phép** đầu tư và sẽ không bị ảnh hưởng bởi các cam kết dịch vụ của Việt Nam trong WTO.



### **HỘP 5 - VÍ DỤ VỀ TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP FDI ĐƯỢC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG THEO ĐIỀU KIỆN ÍT KHẮT KHE HƠN CAM KẾT WTO**

Trước khi Việt Nam gia nhập WTO, doanh nghiệp A của một nước thành viên WTO đã được cấp phép mở siêu thị 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam để bán buôn/bán lẻ các loại hàng hóa cho người tiêu dùng.

Khi gia nhập WTO, Việt Nam cam kết tới năm 2009 mới cho phép lập doanh nghiệp phân phối 100% vốn nước ngoài; trong năm 2007, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ được lập liên doanh phân phối trong đó phía nước ngoài chiếm không quá 49%.

Do giấy phép đầu tư đã cấp cho doanh nghiệp A trước khi Việt Nam gia nhập WTO nên doanh nghiệp này tiếp tục được hoạt động, vận hành siêu thị 100% vốn nước ngoài của mình mà không bị rút lại giấy phép và không phải tuân thủ lộ trình mở cửa theo cam kết WTO của Việt Nam.



**Lưu ý:** Đối với những trường hợp này, quy tắc MFN (đối xử tối huệ quốc) theo GATS cũng sẽ không áp dụng.

Do đó, mặc dù có thể đã cấp phép cho các liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài trước khi gia nhập WTO (11/1/2007), Việt Nam không có nghĩa vụ đối xử tương tự với các trường hợp xin thành lập doanh nghiệp như vậy sau thời điểm 11/1/2007. Đối với các trường hợp này, Việt Nam vẫn có quyền áp dụng đúng cam kết theo WTO (tức là chỉ cho phép thành lập liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo lộ trình cam kết).



**HỢP 6 – VÍ DỤ VỀ VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC MFN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP FDI ĐƯỢC CẤP PHÉP TRƯỚC 11/1/2007**

Trong lĩnh vực nhà hàng (kinh doanh ăn uống), Việt Nam đã từng cấp phép thành lập một số nhà hàng 100% vốn nước ngoài trước khi gia nhập WTO.

Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO (tức là từ 11/1/2007), theo đúng cam kết trong WTO, Việt Nam có quyền ra quy định chỉ cấp phép mở nhà hàng 100% vốn nước ngoài nếu tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn.



10

## Cam kết dịch vụ trong WTO có liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam không?

Cam kết trong lĩnh vực dịch vụ có **liên quan chặt chẽ** tới đầu tư nước ngoài. Cụ thể, cam kết về phương thức hiện diện thương mại (phương thức 3 – các hình thức pháp lý mà tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể thành lập để hoạt động ở Việt Nam) chính là cam kết về mở cửa cho đầu tư trực tiếp nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ.

Các cam kết dịch vụ liên quan tới đầu tư nước ngoài gồm:

- **Cam kết mở cửa thị trường:** Trong mỗi ngành, phân ngành dịch vụ Việt Nam đều giữ quyền áp đặt một số điều kiện mở cửa thị trường nhất định cho nhà đầu tư nước ngoài (Ví dụ, trong lĩnh vực ngân hàng, Việt Nam chỉ cho phép nhà đầu tư nước ngoài được lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài kể từ ngày 1/4/2007);
- **Cam kết về đối xử quốc gia:** Việt Nam cam kết đối xử bình đẳng giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam trừ những ngành/phân ngành dịch vụ mà Việt Nam đã nêu rõ các điều kiện mang tính phân biệt đối xử trong cam kết;
- **Cam kết về đối xử tối huệ quốc:** Việt Nam cam kết đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư từ các nước khác nhau.



11

## Cam kết dịch vụ có liên quan tới đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam không?

Về nguyên tắc, cam kết trong WTO của Việt Nam trong các ngành cụ thể chỉ liên quan đến đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam (dưới các hình thức doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện).

Tuy nhiên, trong cam kết nền (Báo cáo của Ban Công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam), Việt Nam đã đưa ra cam kết về việc nhà đầu tư nước ngoài được tham gia góp vốn dưới hình thức **mua cổ phần** tại các doanh nghiệp Việt Nam.



### Cụ thể:

- Nhà đầu tư nước ngoài phải được phép mua cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành dịch vụ với tổng mức vốn cổ phần do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trong một doanh nghiệp **không vượt quá 30% vốn điều lệ** của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

Trên thực tế, đối với các doanh nghiệp đã niêm yết, Việt Nam đã đi xa hơn cam kết bằng việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ không quá 49% (trừ ngành ngân hàng) tổng mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Việt Nam phải bỏ mức giới hạn 30% nói trên **từ ngày 11/1/2008**. Kể từ thời điểm này, mức giới hạn thay thế trong các ngành/phân ngành dịch vụ đã có cam kết chính là mức nêu trong cam kết đối với ngành/phân ngành đó.

*Ví dụ, theo cam kết, kể từ ngày 1/1/2009, Việt Nam phải cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường. Như vậy, từ thời điểm này, các nhà đầu tư nước ngoài cũng được quyền mua 100% cổ phần của các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp dịch vụ này.*

Riêng trong lĩnh vực ngân hàng, bên nước ngoài được mua ở mức tối đa là 30% tổng số cổ phần.



12

## **Việt Nam có cam kết cho phép cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tại Việt Nam hay không?**

Liên quan đến các cá nhân cung cấp dịch vụ người nước ngoài, Việt Nam cam kết:

- Cho phép các nhà quản lý, chuyên gia, giám đốc điều hành, chuyên gia của các doanh nghiệp nước ngoài được nhập cảnh, lưu trú và làm việc tại hiện diện thương mại (liên doanh, chi nhánh...) của các doanh nghiệp này tại Việt Nam;
- Cho phép những người chào bán dịch vụ, người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (đối với dịch vụ máy tính và dịch vụ tư vấn kỹ thuật) được nhập cảnh và cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.





13

## Cam kết dịch vụ trong WTO của Việt Nam có tương đương với hiện trạng chính sách, pháp luật của Việt Nam không?

Cam kết dịch vụ trong WTO của Việt Nam **trong đa số các ngành** dịch vụ *phù hợp* với hiện trạng chính sách pháp luật Việt Nam về ngành đó.

Tuy nhiên, cam kết trong **một số ngành** lại *thoáng hơn hoặc chặt hơn* so với chính sách, pháp luật Việt Nam hiện hành. Hiện tại, các văn bản pháp luật trong nước đã và đang được sửa đổi cho phù hợp với cam kết trong WTO (hoặc thoáng hơn cam kết nếu điều kiện thực tế đòi hỏi).

Do đó, khi tìm hiểu các quy định, điều kiện hoạt động thực tế trong mỗi ngành dịch vụ, doanh nghiệp cần căn cứ vào các văn bản pháp luật trong nước, đồng thời tham khảo thêm cam kết trong WTO để dự đoán xu hướng thay đổi.



14

## Doanh nghiệp có thể tìm Cam kết WTO về dịch vụ của Việt Nam trong WTO ở đâu?

Các cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ trong WTO được đăng tải công khai trên các trang web sau đây:

[www.mot.gov.vn](http://www.mot.gov.vn) (Bộ Công Thương);

[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) (Bộ Tài chính);

[www.nciec.gov.vn](http://www.nciec.gov.vn) (Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế).

## MỤC LỤC HỘP

- Hộp 1** - Cam kết về dịch vụ của Việt Nam trong WTO được quy định ở đâu? 04
- Hộp 2** - Ví dụ về nghĩa vụ MFN trong GATS 06
- Hộp 3** - Mã CPC là gì? 09
- Hộp 4** - So sánh cam kết dịch vụ trong BTA và WTO có ý nghĩa gì? 12
- Hộp 5** - Ví dụ về trường hợp doanh nghiệp FDI được cấp phép hoạt động theo điều kiện ít khắt khe hơn cam kết WTO 18
- Hộp 6** - Ví dụ về việc không áp dụng nguyên tắc MFN đối với các trường hợp doanh nghiệp FDI được cấp phép trước 11/1/2007 20

# HỆ THỐNG NGẮN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

## I. CÁC HIỆP ĐỊNH VÀ NGUYÊN TẮC WTO

## II. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ

- 1 Cam kết chung về Dịch vụ
- 2 Cam kết WTO về Ngân hàng - Chứng khoán
- 3 Cam kết WTO về Kế toán, Kiểm toán, Dịch vụ thuế - Bảo hiểm
- 4 Cam kết WTO về Phân phối - Logistics
- 5 Cam kết WTO về Chuyển phát và Viễn thông
- 6 Cam kết WTO về các Dịch vụ kinh doanh
- 7 Cam kết WTO về Vận tải
- 8 Cam kết WTO về Doanh nghiệp Thương mại nhà nước  
Doanh nghiệp nhà nước

## III. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

## IV. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC HÀNG HÓA